| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN VỊ THỦY**<br>**TỈNH HẬU GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 151/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 7 - 2020
V/v: Tranh chấp về ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Phạm Văn Hùng.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Nguyễn Thị Tua - Nguyên Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ.

2. Ông Phạm Trần Phú Tín.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Huỳnh Thị Quyền Trân - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên toà:*** Ông Trương Văn Phượng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2020/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 6 năm 2020 về việc "*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Chị Võ Thị Ánh X, sinh năm 1979; địa chỉ: Khu vực M, phường N, thành phố T, tỉnh H (Vắng mặt).

*Bị đơn*: Anh Trần Văn V, sinh năm 1979; địa chỉ: Khu vực M, phường N, thành phố T, tỉnh H (Vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 16/6/2020, nguyên đơn chị Võ Thị Ánh X trình bày: Vào ngày 20/6/2003, giữa chị X với bị đơn anh Trần Văn V xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn. Anh chị sống hạnh phúc một thời gian

dài, nhưng gần đây anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách và lối sống. Do đó, chị X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bị đơn. Về con chung: giữa chị X với anh V có 02 con chung gồm cháu Trần Võ Xuân V, sinh ngày 21/02/2007 và cháu Trần Võ Vĩnh A, sinh ngày 23/11/2010, hiện nay các cháu đang sống với chị X, khi ly hôn tùy theo nguyện vọng của con, nếu các con có nguyện vọng sống với chị, thì chị X yêu cầu cấp dưỡng theo quy định. Về tài sản chung chưa yêu cầu giải quyết, về nợ chung không có.

Tại văn bản ngày 19/6/2020, bị đơn anh Trần Văn V trình bày: Hôn nhân giữa anh với chị Võ Thị Ánh X là tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào năm 2003; thời gian đầu anh chị sống hạnh phúc, nhưng khoảng 03 năm nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm và lối sống; do đó, anh V không đồng ý ly hôn. Về con chung anh V thống nhất với lời trình bày của chị X, trường hợp ly hôn anh tôn trọng nguyện vọng của các con được sống với mẹ, về cấp dưỡng chúng tôi tự thỏa thuận. Về nợ chung: vợ chồng không nợ ai và không cho ai nợ. Về tài sản chung: chưa yêu cầu giải quyết.

Tại hai văn bản ngày 15/6/2020, cháu Trần Võ Xuân V và cháu Trần Võ Vĩnh A trình bày: Bố là Trần Văn V, mẹ là Võ Thị Ánh X; hiện nay các cháu đang sống với bố mẹ, nếu bố mẹ ly hôn các cháu đều có nguyện vọng sống với mẹ.

Về tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Đơn khởi kiện; bản tự khai; biên bản thỏa thuận chọn Tòa án giải quyết; bản sao giấy khai sinh (cháu V, cháu A); bản phô tô giấy chứng minh nhân dân (chị X, anh V); sổ hộ khẩu (phô tô), bản sao giấy chứng nhận kết hôn; bản phô tô thẻ viên chức Trường Chính trị tỉnh Hậu Giang; thông báo nộp tạm ứng án phí; biên lai thu tạm ứng án phí; biên bản giao nhận văn bản tố tụng, biên bản tống đạt, quyết định phân công Thẩm phán, thông báo thụ lý vụ án, biên bản xác minh; bản tự khai (cháu Vi, cháu An); đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt của nguyên đơn; đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ngay (chị X và anh V); biên bản lấy lời khai (anh V); biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; biên bản hòa giải; quyết định phân công Kiểm sát viên, quyết định đưa vụ án ra xét xử;

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, cũng như ý thức chấp hành pháp luật của các đương sự là đúng pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Võ Thị Ánh X với anh Trần Văn V được ly hôn; về con chung, chị X được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Võ Xuân V và cháu Trần Võ Vĩnh A, anh V

chưa phải cấp dưỡng; về tài sản chung chưa yêu cầu nên không xem xét; nợ chung: không có nên không đề cập đến. Án phí chị X phải nộp theo quy định; kiến nghị khắc phục vi phạm: không có.

Các tình tiết, sự kiện các bên đã thống nhất: Con chung nguyện vọng theo ai người đó nuôi dưỡng, chưa yêu cầu cấp dưỡng; về nợ chung không có; về tài sản chung chưa yêu cầu giải quyết.

Vấn đề đương sự không thống nhất: Không thỏa thuận được về ly hôn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Áp dụng pháp luật về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Chị Võ Thị Ánh X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Trần Văn V. Chị X đang làm việc tại Trường Chính trị tỉnh Hậu Giang, thuộc ấp 07, xã Vị Trung, huyện Vị Thủy; theo biên bản thoả thuận chọn Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy giải quyết tranh chấp, giữa chị X với anh V lập ngày 15/6/2020 và được Chính quyền xã Vị Trung, huyện Vị Thủy xác nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, để xác định quan hệ tranh chấp thuộc trường hợp: "*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*", thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

[1.2] Về xét xử vắng mặt các đương sự: Ngày 19/6/2020 nguyên đơn có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án; tại văn bản ngày 19/6/2020, bị đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, để xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Áp dụng pháp luật về nội dung: Vào ngày 20/6/2003, giữa chị Võ Thị Ánh X với anh Trần Văn V xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn, nên áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết tranh chấp.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Thời điểm chị X với anh V xác lập quan hệ vợ chồng, và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bình Thủy, thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ cũ (nay là phường B, quận T, thành phố C), anh chị đã đủ điều kiện đăng ký kết hôn, theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, nên hôn nhân giữa anh chị được pháp luật bảo vệ.

Anh chị sống hạnh phúc đến khoảng năm 2017 phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn các bên đều thừa nhận do bất đồng quan điểm và lối sống; theo biên bản xác minh ngày 18/6/2020, anh chị có hai con chung đang sống với anh chị, về mâu thuẫn giữa anh chị chính quyền địa phương không biết; qua hòa giải, động viên nhưng chị X giữ nguyên yêu cầu ly hôn, còn anh V không muốn ly hôn; theo biên bản lấy lời khai ngày 19/6/2020 anh V thừa nhận mâu thuẫn phát sinh khoảng 03 năm nay, về nguyên nhân mâu thuẫn đã được anh chị thống nhất. Như vậy, mâu thuẫn giữa anh chị đã phát sinh đã lâu, trong một thời gian dài, nhưng anh chị không chủ động hàn gắn, xây dựng hạnh phúc gia đình và chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, mẫu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của chị X là có căn cứ.

[4] Về con chung: Giữa chị X với anh V có 02 con chung tên Trần Võ Xuân V, sinh ngày 21/02/2007 và cháu Trần Võ Vĩnh A, sinh ngày 23/11/2010, hiện nay các cháu đang sống với anh chị. Khi ly hôn, anh chị tôn trọng nguyện vọng của các con theo ai người đó nuôi dưỡng; cháu V và cháu A đã trên 07 tuổi, quá trình thu thập chứng cứ các cháu có nguyện vọng sống với chị X, theo biên bản hòa giải các bên thỏa thuận con theo ai người đó nuôi dưỡng, sự thỏa thuận của anh chị phù hợp với nguyện vọng của các con. Do đó, tiếp tục giao cháu Vi và cháu An cho chị X nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng: Trong đơn khởi kiện, chị X có yêu cầu cấp dưỡng. Theo biên bản hòa giải ngày 19/6/2020, chị X với anh V thỏa thuận chưa yêu cầu cấp dưỡng. Đây là quyền tự định đoạt của đương sự; do đó, anh V chưa phải cấp dưỡng. Sau khi ly hôn, nếu việc nuôi dưỡng con chung gặp khó khăn, chị X có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng bằng một vụ án khác.

[6] Về nợ chung: chị X với anh V khẳng định không có nợ ai; về tài sản chung: anh V với chị X thỏa thuận chưa yêu cầu, đây là quyền tự định đoạt của đương sự nên chưa xem xét; sau khi ly hôn các bên có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền chia tài sản chung bằng một vụ án khác.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Do chị X là nguyên đơn trong vụ án. Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: "*4. Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*". Căn cứ vào quy định của pháp luật viện dẫn trên, thì chị X phải chịu án phí. Do đó, ý kiến của Kiểm sát viên đề xuất hướng giải quyết vụ án là có căn cứ.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Căn cứ**: các Điều 5, 6, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 91, khoản 1 và 2 Điều 92, Điều 93, Điều 94, Điều 95, Điều 97, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14: Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Áp dụng**: các Điều 9, 11, 89, 91 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 57, 81, 82, 83, 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

**Tuyên xử**: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Ánh X.

1. *Về hôn nhân*: Cho chị Võ Thị Ánh X với anh Trần Văn V được ly hôn.

2. *Về con chung*: Giao cháu Trần Võ Xuân V, sinh ngày 21/02/2007 và cháu Trần Võ Vĩnh A, sinh ngày 23/11/2010 cho chị Võ Thị Ánh X được tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Trần Văn V chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về tài sản chung*: chưa yêu cầu nên chưa xem xét; về nợ chung: không có, nên không đề cập đến.

4. *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị Võ Thị Ánh X phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001081, ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Chị X đã nộp xong.

5. *Quyền kháng cáo*: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Trụ sở ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
- UBND (nơi Đăng ký kết hôn);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP;
- Cổng TTĐT (để công bố);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Hùng**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**CÁC THÀNH VIÊN** **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tua  Phạm Trần Phú Tín  Phạm Văn Hùng